

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Ông Huỳnh Văn Sen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2024 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị T, sinh năm 1997 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: khóm V, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lâm L, sinh năm 1993 “vắng mặt”.

Địa chỉ: ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lâm Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: chị Lâm Thị T và anh Lâm L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T và anh L đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị T và anh L có 02 người con chung tên Lâm Thị Khánh H, sinh ngày 08/7/2013 và Lâm Hoàng C, sinh ngày 05/11/2015. Hiện nay cháu H và cháu C đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu C cho đến khi cháu H và cháu Công thành N. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị T và anh L không có tài sản chung và nợ chung, nên chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Lâm L đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên anh L đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị T. Anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T.

Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Lâm L tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng anh L vắng mặt không có lý do và anh L cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị T. Về hôn nhân: xử cho chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Lâm L; về con chung: giao 02 cháu Lâm Thị Khánh H, sinh ngày 08/7/2013 và Lâm Hoàng C, sinh ngày 05/11/2015 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu Công thành N; về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh L, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn chị Lâm Thị T thì chị T kiện anh Lâm L là bị đơn cư trú tại ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn anh Lâm L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Lâm Thị T là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[1.4] Anh Lâm L là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị T và anh Lâm L tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên chị T và anh L sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị T và anh L không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị T và anh L không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng chị T yêu cầu được ly hôn; anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56

của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Lâm Thị T và anh Lâm L có 02 người con chung tên Lâm Thị Khánh H, sinh ngày 08/7/2013 và Lâm Hoàng C, sinh ngày 05/11/2015. Từ khi chị T và anh L sống ly thân cho đến nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu C. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu C; anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T; nguyện vọng của cháu H và cháu C yêu cầu được tiếp tục sống chung với chị T.

Xét thấy: từ khi chị T và anh L sống ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu C. Hiện nay cháu H và cháu C đang có cuộc sống ổn định cùng với chị T, nguyện vọng của cháu H và cháu C cũng yêu cầu được sống chung với chị T, anh L không có ý kiến phản đối, nên việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu C là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu C và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao cháu H và cháu C cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu C thành niên. Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh L, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Lâm Thị T và anh Lâm L không có tài sản chung, chị T và anh L không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Lâm Thị T và anh Lâm L không có nợ chung, chị T và anh L không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị T, xử cho chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Lâm L; về con chung: giao 02 cháu Lâm Thị Khánh H, sinh ngày 08/7/2013 và Lâm Hoàng C, sinh ngày 05/11/2015 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu C thành niên; về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh L, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Lâm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006209 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lâm L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị T.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Lâm L.
2. Về con chung: giao 02 cháu Lâm Thị Khánh H, sinh ngày 08/7/2013 và Lâm Hoàng C, sinh ngày 05/11/2015 cho chị Lâm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu Công thành N. Anh Lâm L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh L, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: chị Lâm Thị T và anh Lâm L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: chị Lâm Thị T và anh Lâm L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Lâm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006209 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lâm L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Lâm Thị T và bị đơn anh Lâm L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.
7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- UBND Phường 2, thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo